

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày: 12/05/2024

“Về việc tranh chấp hợp đồng vay,
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

- *Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Lưu Thị Hồng Nương

+ *Các Hội thẩm Nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Phong

2. Ông Ngô Minh Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án N dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 270/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1973. Nơi cư trú: khu vực H, phường H, quận M, Thành phố Cần Thơ. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: khu vực H, phường H, quận M, Thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khu vực H, phường H, quận M, Thành phố Cần Thơ. Xin xét xử vắng mặt.

2. Bà **Phạm Hồng O**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: khu vực H, phường H, quận M, Thành phố Cần Thơ. Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào năm 2023, ông Huỳnh Văn T có nhu cầu xây dựng căn nhà nên thông qua người quen giới nên ông quen biết ông Nguyễn Thanh N là chủ thầu xây dựng. Năm 2023 ông T có thỏa thuận miệng với ông N xây dựng căn nhà mới

có diện tích 40m² với số tiền 95.000.000 đồng. Ông T đã trả đủ tiền cho ông N.

Quá trình thực hiện phía ông Nguyễn Thanh N xây dựng dở dang chưa hoàn thành thì ông N bỏ trốn khỏi địa phương. Phần còn lại như: La phong trần chưa đóng, lát gạch, cửa phòng, cửa cái và sân ông N không tiếp tục hoàn tất cho ông T, hai bên thỏa thuận có giá trị là 58.000.000 đồng và số tiền ông N mượn của ông T là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 68.000.000 đồng.

Nhiều lần yêu cầu ông N thực hiện việc trả số tiền trên nhưng ông N hện lần lượt không thực hiện. Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu buộc ông N trả số tiền 68.000.000 đồng. Trong đó: Tiền mua vật tư hoàn tất căn nhà mà ông N bỏ dở là 58.000.000 đồng và tiền mượn là 10.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Hồng O trình bày: Việc ông T khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền 68.000.000 đồng không liên quan đến bà O. Ông N không có giao giao tiền cho bà O nên bà O không có trách nhiệm trả số tiền này.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không trình bày ý kiến nên vụ án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện yêu cầu buộc ông N trả số tiền 58.000.000 đồng. Trong đó: Tiền mua vật tư hoàn tất căn nhà mà ông N bỏ dở là 48.000.000 đồng và tiền mượn là 10.000.000 đồng. không yêu cầu tính lãi chậm trả kể cả giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay mượn của nguyên đơn và trả số tiền nguyên đơn đã bỏ ra để hoàn thành căn nhà mà bị đơn có nghĩa vụ thực hiện, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền". Bị đơn có nơi cư trú tại khu vực H, phường H, quận Ô Môn. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Ô Môn theo qui định khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh N được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T yêu cầu ông Nguyễn Thanh N trả số tiền 58.000.000 đồng. Trong đó: Tiền mua vật tư hoàn tất căn nhà mà ông N bỏ dỡ là 48.000.000 đồng và tiền ông N mượn của ông T là 10.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp các hóa đơn mua vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất. Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 23/08/2023.

Ông T cho rằng đến nay ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo cam kết tại biên bản hoà giải ngày 23/8/2023 nên ông khởi kiện. Ông Nguyễn Thanh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Ông N không gửi đến Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, hay có ý kiến gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như ông từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Xét tại Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 23/08/2023 của Tổ hoà giải khu vực H, phường H, ông N thừa nhận và đồng ý trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền ứng xây dựng nhà và tiền nợ với tổng số tiền là 58.000.000 đồng. Thỏa thuận trả làm 02 lần: Lần 01, ngày 19/8/2023 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng. Lần 02, cuối tháng 10 năm 2023 âm lịch với số tiền 48.000.000 đồng, nhưng đến nay ông N không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả số tiền này cho ông T. Do đó, ông Huỳnh Văn T yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh N phải trả tổng số tiền 58.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Ông T chỉ yêu cầu trả số tiền gốc nêu trên, không yêu cầu ông N trả tiền lãi chậm trả, kể cả tiền lãi chậm trả phát sinh giai đoạn thi hành án nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông N trả số tiền 10.000.000 đồng so với đơn khởi kiện. Xét việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện nên đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn đối với vị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D và bà Phạm Hồng O trình bày không liên quan đến vụ án, việc giao dịch thỏa thuận làm ăn giữa ông T và ông N bà D và bà O không biết gì, ông T cũng không yêu cầu bà O trả nợ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí vụ án dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định, tương ứng số tiền là: 58.000.000 đồng x 5% = 2.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 5; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227; Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 180, 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T đối với ông Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với ông Nguyễn Thanh N với số tiền yêu cầu là 10.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh N phải nộp số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004373 ngày 11/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án N dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND Phường Thới Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hồng Nương